

# BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

31.12.2018

## 1. Thông tin về quỹ

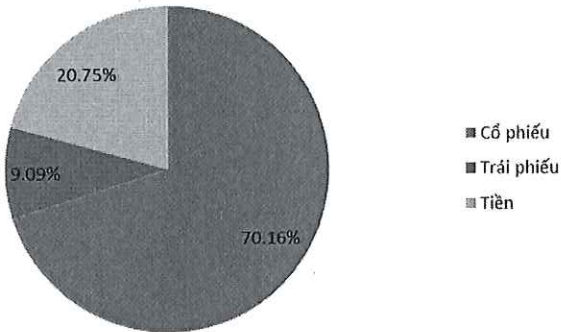
- a) Tên của Quỹ/ loại hình Quỹ: QŨY ĐẦU TƯ CÂN BẰNG CHIẾN LƯỢC VCBF (VCBF-TBF)/ QUỸ MỞ
- b) Mục tiêu đầu tư của Quỹ: là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có xếp hạng tín dụng tốt
- c) Thời hạn hoạt động của Quỹ: Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động
- d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): Lợi nhuận tham chiếu của quỹ là tỷ suất lợi nhuận được xác định bằng trung bình giản đơn của tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex và lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam.
- e) Chính sách phân chia lợi nhuận: Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (nếu được uỷ quyền)
- f) Số lượng đơn vị Quỹ đang lưu hành: 14.902.732,92
- g) Nội dung thay đổi trong Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: Nội dung thay đổi Điều Lệ Quỹ đã được phản ánh trong Điều Lệ Quỹ mới, được Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên thông qua và được báo cáo UBCKNN.
- h) Nội dung Nghị Quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên đã được công bố trên website của VCBF và báo cáo UBCKNN.
- i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư Hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty quản lý quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại điều 45 Thông tư 183/2011/TT-BTC về chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin.

## 2. Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ

- a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ:

a.1) Danh mục đầu tư của Quỹ phân bổ theo loại tài sản (cổ phiếu/trái phiếu/tiền...) tại ngày 31/12/2018:

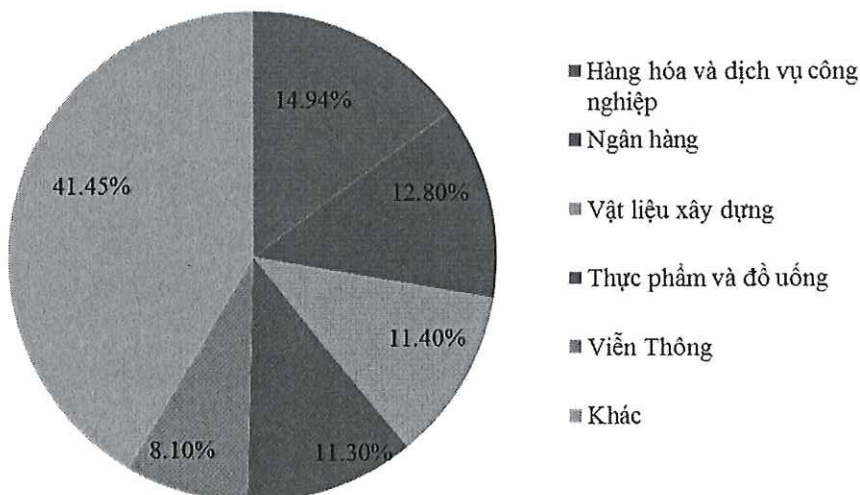
Cổ phiếu:	70,16%
Trái phiếu:	9,09%
Tiền và Tài sản khác:	20,75%



a.2) Danh mục đầu tư của Quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực tại ngày 31/12/2018

Hàng hóa công nghiệp và dịch vụ	14,94%
Ngân hàng	12,80%
Vật liệu xây dựng	11,40%
Thực phẩm và đồ uống	11,30%
Viễn thông	8,10%
Khác	41,45%

**Top 5 ngành của Quỹ VCBF-TBF**



a.3) Chi tiết chỉ tiêu hoạt động của Quỹ:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 31/12/2017
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	282.504.033.202	251.751.917.501
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	14.902.732,92	12.713.916,54
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	18.956,52	19.801,28
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong năm	21.133,94	19.801,28
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong năm	18.164,55	15.138,95
Tổng lợi nhuận của Quỹ	(14.080.780.262)	53.162.318.826
<i>Lợi nhuận từ lợi tức chứng khoán</i>	<i>10,280,339,487</i>	<i>6.569.612.859</i>
<i>Lợi nhuận từ tăng trưởng giá chứng khoán</i>	<i>(24.361.120.109)</i>	<i>46.592.705.967</i>
Lợi nhuận đã phân phối trên 1 đơn vị quỹ	0	0
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	2,03%	2,14%
Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	0,2868	0,2264

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Giai đoạn	Lợi nhuận của quỹ/năm (%)	Lợi nhuận tham chiếu/năm (%)
1 năm ( từ 01/01/2018 đến 31/12/2018)	-4.27%	-2.09%
3 năm (từ 31/12/2015 đến 31/12/2018)	13.22%	11.36%
Từ khi thành lập đến 31/12/2018	13.58%	9.79%

**Lưu ý:**

- Phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt.

- Dữ liệu về giá chứng khoán được lấy từ nguồn Bloomberg hoặc Reuter.

- Các thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ chỉ mang tính tham khảo và không hàm ý đảm bảo cho khả năng sinh lời trong tương lai.

### 3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

a) Thay đổi Công ty Quản lý Quỹ: Trong kỳ, Quỹ không thay đổi Công ty Quản lý Quỹ

b) Đánh giá hoàn thành mục tiêu đầu tư của Quỹ:

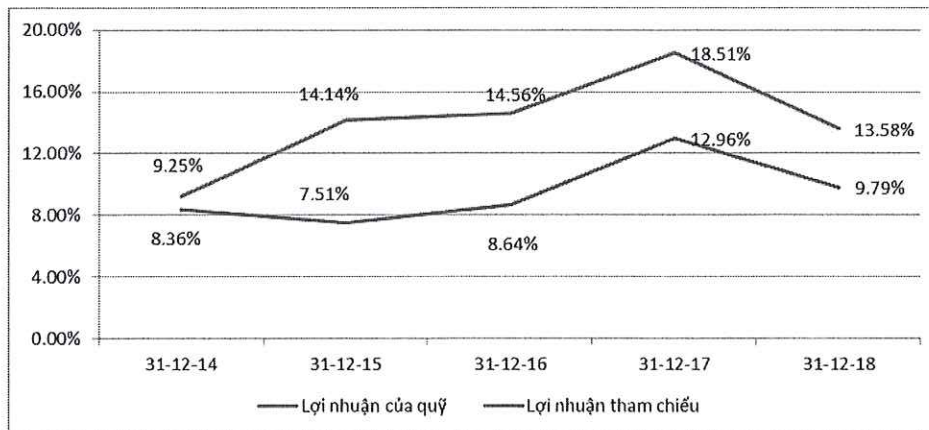
Mặc dù giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ giảm so với đầu năm, nhưng tính đến thời điểm 31/12/2018, Quỹ vẫn đạt lợi nhuận bình quân năm là 13,58%/năm tính từ khi thành lập. Do đó chúng tôi cho rằng Quỹ đã đạt được mục tiêu đầu tư là gia tăng phần vốn gốc trong trung và dài hạn.

c) Tăng trưởng của Quỹ qua các thời kỳ:

Ngày	Lợi nhuận (*) của quỹ	Lợi nhuận (*) tham chiếu
31/12/14	9.25%	8.36%
31/12/15	14.14%	7.51%
31/12/16	14.56%	8.64%
31/12/17	18.51%	12.96%
31/12/18	13.58%	9.79%

(\*) Lợi nhuận của Quỹ và lợi nhuận tham chiếu là lợi nhuận bình quân năm được tính theo phương pháp lợi nhuận kép từ thời điểm thành lập Quỹ

Biểu đồ so sánh Lợi nhuận của Quỹ và Lợi nhuận tham chiếu



...D.A  
TY  
DANH  
Y ĐẦU  
KHOA  
MBAN  
M.T

**d) Chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. Trái phiếu doanh nghiệp chỉ được xem xét đầu tư nếu được phát hành bởi các công ty có chất lượng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín và thỏa mãn các yêu cầu của pháp luật.

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào một danh mục đa dạng các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt trên HSX và HNX. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hoá thị trường lớn hơn vốn hoá thị trường của cổ phiếu có vốn hóa lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX tại thời điểm Quỹ thực hiện đầu tư vào một cổ phiếu nhất định.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, VCBF đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các công ty đầu ngành và các công ty có triển vọng trở thành công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của công ty, VCBF sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.

Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quỹ là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu.

**e) Cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ:**

Cơ cấu danh mục đầu tư	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 31/12/2017
Cổ phiếu	70,16%	70,52%
Trái phiếu	9,09%	3,94%
Tiền và Tài sản khác	20,75%	25,54%

**g) Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ:**

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 31/12/2017	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	282.504.033.202	251.751.917.501	12,22%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ	18.956,52	19.801,28	-4,27%

**h) Biến động của thị trường trong kỳ báo cáo:**

Chỉ số VNIndex giảm từ 984,24 tại ngày 31/12/2017 xuống còn 892,54 tại ngày 31/12/2018, giảm 9,32%.

Lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Chính phủ Việt Nam giảm từ mức 5,1283% tại ngày 01/01/2018 xuống 5.072% tại ngày 01/01/2019.

**i) Chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ:** Quỹ không thực hiện chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ.

**k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ:** Quỹ không phát sinh.

**l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan:**

Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ: 44,78%

**4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát**

**a) Thay đổi Ngân hàng giám sát:** Trong kỳ, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam).

**b) Báo cáo của Ngân hàng giám sát cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018:**

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

- Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

**5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền**

**a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền:**

Bên nhận ủy quyền	Dịch vụ ủy quyền	Tổng chi phí	Tỷ lệ trên tổng chi phí hoạt động của Quỹ
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	Dịch vụ quản trị quỹ	237.600.000	4,13%
Trung Tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	Dịch vụ đại lý chuyển nhượng	132.000.000	2,3%

